

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	18	0		17	0	puma
2		P7+P8+TD5	7:25	7+12+3	0+0+0		3+7+6	0+0+0	chuyen 1 P8-TD5
3		TD3	7:25	22	0		22	0	
4		CLO+RC4+RP1	7:25	19+0+3	0+0+0		18+0+0	0+0+0	chuyen 1 RC4-RP1
5		TD1 + CL1	9:25	22 + 0	0		22 + 1	0	nguồn của MCB CL1
6		PPD+MRM+CLO	9:25	8+0+14	0+0+0		2+5+13	0+0+0	
7		PBDA+TD5	9:25	2+20	0+0		1+18	0+0	
8		TD2	11:00	19	0		18	0	ec225
9		TD2	11:30	18	0		18	0	ec225
10		AMD+PPD	11:40	16+6	0+0		7+14	0+0	
11		TGTH1+AMD	11:40	7+11	0+0		7+9	0+0	puma
12		TD1+P8	11:40	10+12	0+0		2+12	0+0	
13		TD3+P7	11:40	22+0	0+0		12+7	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 ng TD5 về bờ đi TD1 và TD3, 1 ng CLO về đi TD3
2/ Đi về trong ngày P3-4ng, P8-4ng, P7-7ng, TD2-4ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: TD2	CREW: ATUẤN - TRÌNH	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3245	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VINH PHƯƠNG	TD2						67	D-HANH	Vietnamese
2	AUBAKIROV ARTUR	TD2	91	1	2			90	D-HANH	Russian
3	GROMOV SERGEY	TD2	78	1	11			83	KHOAN	Russian
4	BÙI HỮU HỒNG	TD2	90	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
5	BÙI NGỌC DỪNG	TD2	86	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
6	BÙI TRUNG THỌ	TD2						69	KHOAN	Vietnamese
7	DOÃN VĂN HÙNG	TD2	84	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LỰC	TD2	79	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	TD2	83	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ PHÚ	TD2	81-82	2	10			63	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	85	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ THẬP TOÀN	TD2						66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	89	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ QUANG HÙNG	TD2	88	1	14			77	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	80	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	TD2						90	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO TÙNG LÂM	TD2						78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD2	87	1	13			67	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.305	14	95	0	0	18		
TOTAL		18	1.305	14	95	0	0	18		
WEIGHT KG			1.305		95		0			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRẦN KHÁNH TRÌNH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P7 - P8 - TD5	CREW: KHOAN - HTRUNG - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3236	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN SỞ	P7	66	1	3			68	XNKT	Vietnamese
2	ĐOÀN VIỆT ĐIẾP	P7						64	XN KHÍ	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG HÙNG	P7	68	1	4			82	XNKT	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	P7				1	20	65	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
5	VŨ VĂN TOÀN	P7	67	1	3			74	D-HANH	Vietnamese
6	PHAN VĂN THỊNH	P7						74	NIPI	Vietnamese
7	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P7	61	1	4			75	NIPI	Vietnamese
8	HOÀNG ANH TỬ	P8						80	D-HANH	Vietnamese
9	BÙI VĂN CHÍNH	P8						89	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TUẤN	P8	99	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH HIẾU	P8	96	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN HÙNG	P8	98	1	8	1	14	68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	P8	97	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
14	KHUẤT QUANG KIÊN	P8	300	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
15	CHU MINH HÙNG	P8	03	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MINH	P8	95	1	4			78	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THỊ HẰNG	P8						61	NIPI	Vietnamese
18	TRẦN ĐẠI THIỆU	P8	82	1	3			94	NIPI	Vietnamese
19	QUÁCH THÀNH ĐỘ	P8	01-02	2	10			68	DK9	Vietnamese
20	CHUSH MAKSIM	TD5	55	1	16			104	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	56	1	7	1	7	67	KHOAN	Vietnamese
22	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	87	1	6	3	55	70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	7	502	4	14	1	20	0		0
2	P8	12	885	10	53	1	14	7	1	CHUYEN 01 PAX TỪ P8 SANG TD5
3	TD5	3	241	3	29	4	62	6		0
TOTAL		22	1.628	17	96	6	96	13		
WEIGHT KG			1.628		96		96			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3	CREW: DUONG - SON - QTRUONG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/3239		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KOZLOV IURII G.	TD3						100	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN HOÀI VŨ	TD3						63	D-HANH	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SƠN	TD3						59	D-HANH	Vietnamese
4	ĐẶNG THÀNH TRUNG	TD3				5	80	75	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	56	1	15			75	KHOAN	Vietnamese
6	OVCHARENKO SERGEI	TD3	49	1	3			93	KHOAN	Russian
7	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	54	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	47	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
9	BÙI CÔNG SƠN	TD3	64-65	2	8			67	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN LÝ	TD3	45	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	57	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	55	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ TIẾN DŨNG	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN LŨU	TD3						68	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	51	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG BẰNG	TD3	46	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3	52	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	53	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
19	VƯƠNG HỮU QUỐC THÁI	TD3	48,58	2	17			76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	44	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	50	1	10			71	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.536	17	114	5	80	22		
TOTAL		21	1.536	17	114	5	80	22		
WEIGHT KG			1.536		114		80			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

BUI HOANG DUONG
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: CLO - RC4 - RP1	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - THẠNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3242	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VOROBYEV SERGEY	CLO	31-32	2	13			100	KHOAN	Russian
2	DATSKO PAVEL	CLO	29	1	10			116	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	30	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUY THÁI	CLO						74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	23	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	22	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC ÁI	CLO	35-36	2	12			86	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MẠNH THẮNG	CLO						66	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	27	1	8			61	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN BUI QUANG	CLO	34	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN TUẤN	CLO	38	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
12	VÕ SĨ HOÀI THANH	CLO	28	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CLO	24	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỀN	CLO	33	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
15	LÂM XUÂN TỬ	CLO	26	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	25	1	8			97	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THÀNH VƯƠNG	CLO	37-38	2	7			100	ANTOAN	Vietnamese
18	PHẠM THANH BÌNH	CLO	21	1	7			85	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN BÁ THUẬN	RP1	01-02	2	19			74	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN MẠNH	RP1	05-06	2	19			81	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY NHẤT	RP1				2	25	81	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	18	1.409	19	117	0	0	18		
2	RC4	0	0	0	0	1	20	0	✓	CHUYEN 01 PAX TU RC4 SANG RP1
3	RP1	3	236	4	38	2	25	0		
TOTAL		21	1.645	23	155	3	45	18		
WEIGHT KG			1.645		155		45			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD1 - CLI	CREW: KHOAN - HTRUNG - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3237	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DO VAN TUAN	TD1	73-74	2	11	4	65	66	KHOAN	Vietnamese
2	MAI VĂN HỘI	TD1	69	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ANH	TD1	70	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	76	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	65-66	2	8			90	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUANG SÁNG	TD1	75	1	4			51	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THÁI	TD1	88-89	2	10			81	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	81-82	2	6			57	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TÚ NAM	TD1	90	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
10	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	87	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HUY	TD1	68	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	77	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	67	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN DOãn ĐOÀN	TD1	59-60	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG	TD1	63-64	2	13			62	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH HẠNH	TD1	61-62	2	18			81	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD1	79-80	2	13	1	5	86	YTE	Vietnamese
18	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	71-72	2	15			74	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN TUẤN TÚ	TD1	85	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	86	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	78	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ QUÝ VINH	TD1	83-84	2	10			72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.573	32	183	5	70	21		
2	CLI	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.573	32	183	5	70	22		
WEIGHT KG			1.573		183		70			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: NAU-2	TO: PPD - MRM - CLO	CREW: DUONG - SON - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3240	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN NINH	PPD	37-38	2	14			70	YTE	Vietnamese
2	PHAN VĂN THẮNG	PPD	33	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	31	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUANG HUY	PPD	32	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC VIỆT	PPD	34-35	2	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ HỮU THÁI	PPD	36	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	57	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	30	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC ANH	CLO	14	1	15			95	ANTOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	09-10	2	15			72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	08	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HUY TUYẾN	CLO	06	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG TRUNG THÔNG	CLO	05	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH HOÀN	CLO	01	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
15	TÔ ANH TUẤN	CLO	13	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN THÀNH	CLO	17-18	2	7			64	KHOAN	Vietnamese
17	SERDIUKA S.S.	CLO	02-03	2	19			103	KHOAN	Russian
18	ĐỖ THANH HẢI	CLO	16	1	10			67	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO	04	1	3	1	10	67	PSV	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐỨC THẮNG	CLO	07	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ DUY AN	CLO	15	1	13			120	ANTOAN	Vietnamese
22	PHAN VĂN CHUNG	CLO	11-12	2	18			81	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	8	545	10	51	0	0	2		
2	MRM	0	0	0	0	0	0	5		
3	CLO	14	1.074	18	136	1	10	13		
TOTAL		22	1.619	28	187	1	10	20		
WEIGHT KG			1.619		187		10			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO: PBDA - TD5	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG - THÀNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/3243	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DENIM YURI	PBDA	33	1	9			99	KHOAN	Russian
2	BÙI ĐỨC LUÂN	PBDA	32	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG HÙNG	TD5	63-64	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DUY	TD5	68	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	74-75	2	16			85	KHOAN	Vietnamese
6	TỬ DƯƠNG DŨNG	TD5	78	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	69-70	2	15			70	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN TIẾN	TD5	65-66	2	8			66	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG BẢO AN	TD5	72	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
10	TELESHENKO IVAN	TD5	71	1	17			104	KHOAN	Russian
11	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD5	76	1	4			64	YTE	Vietnamese
12	BÙI ĐÌNH PHÚC	TD5	62	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	79-80	2	9			67	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN KHẢI	TD5	81	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	73	1	9			83	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	82	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN NINH	TD5	67	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	77	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN VĂN LỆ	TD5	83-84	2	14			75	T-TIN	Vietnamese
20	LÊ VĂN LỘC	TD5	85-86	2	20			61	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	2	176	2	17	0	0	1		
2	TD5	18	1.324	25	173	0	0	18		
TOTAL		20	1.500	27	190	0	0	19		
WEIGHT KG			1.500		190		0			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
B.CARD: XANH - 3	TO: TD2	CREW: HLONG - VTHANG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/3247	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN PHÚ QUỐC	TD2	496	1	5	1	7	71	MINH VIỆT	Vietnamese
2	NGUYỄN PHÙNG QUẾ	TD2	95	1	5	1	40	71	KHOAN	Vietnamese
3	NOROV DENIS	TD2	497	1	16	3	42	78	KHOAN	Russian
4	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	89	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM LÊ NAM	TD2	96	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD2	86	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HẢI SƠN	TD2	94	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	90	1	2			53	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN HUẤN	TD2	92	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	85	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT TÙNG	TD2	100	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	97	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	TD2	91	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TIẾN THẮNG	TD2	99	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THÀNH NAM	TD2	93	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TUAN ANH	TD2	87-88	2	3			86	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC HIEU	TD2	98	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HẢI (15459)	TD2						80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.301	18	88	5	89	18		
TOTAL		18	1.301	18	88	5	89	18		
WEIGHT KG			1.301		88		89			

GRAND TOAL: 1.478 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐINH HOÀNG LONG

NGÔ VĂN THẮNG





XNLD VIETSOVAPETRO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: TD2

Ngày: 21-07-2026	Nơi xuất phát: TAM DAO-02	Số hiệu máy bay: 622	Giờ cất cánh: 11:00
Chuyến bay: 2	Nơi đến: VŨNG TÀU	Tổ bay: TD2	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Danh Số	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Lê Xuân Hải	KSCK	XN Khoan	Việt Nam	20991	1	8	70
2	Nguyễn Văn Hùng	Thuyền Trưởng	XN Khoan	Việt Nam	17477	1	7	75
3	Cao Đức Viện	Kỹ sư điện	XN Khoan	Việt Nam	17706	1	6	61
4	Trịnh Quốc Khánh	Kỹ sư điện	XN Khoan	Việt Nam	18863	1	3	72
5	Trần Quân	Thợ phụ khoan	XN Khoan	Việt Nam	PVD	1	7	54
6	Quách Văn Cừ	Thợ hàn	XN Khoan	Việt Nam	18870	1	8	67
7	Lê Hữu Hậu	Thợ BT xi măng	XN Khoan	Việt Nam	18241	0		66
8	Lê Hùng Cường	Thợ tiện	XN Khoan	Việt Nam	17074	1	7	98
9	Lê Hữu Hùng	Xi măng	XN Khoan	Việt Nam		1	10	71
10	Hoàng Xuân Kiên	Thợ diesel	XN Khoan	Việt Nam	21631	1	5	66
11	Nguyễn Mạnh Cường	Dung dịch	DMC-MI	Việt Nam		2	16	72
12	Bùi Trọng Hưng	KS Điện-TĐH	VSP-KhaiThac	Việt Nam	21321	1	6	66
13	Lại Minh Hoàng	Thợ điện-TĐH	VSP-KhaiThac	Việt Nam	21530	0	0	81
14	Phạm Hữu Phước	KS CK-ĐL	VSP-KhaiThac	Việt Nam	21294	1	6	76
15	Nguyễn Hoàng Tùng	KS CK-ĐL	Getraco	Việt Nam	20838	1	5	67
16	Vũ Duy Dũng	KS Công Nghệ	VSP-KhaiThac	Việt Nam	20820	1	8	77
17	Đặng Đình Tuấn	Thợ TĐH	VSP- Cơ Điện	Việt Nam	11702	2	27	76
18	Nguyễn Lâm Giang	Thợ nguội	VSP-KhaiThac	Việt Nam	18547	1	5	75
	Số HK đi:				Trọng lượng:	18	134	1290

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1	Hàng của TAM DAO 02	Vũng tàu	1	30
2				
3				
4				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện gian:

Phi công trưởng:

Nguyễn Văn Hùng

Tổng cộng	1	30
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	18	1290
Hành lý	18	134
Hàng hóa	1	30
Tổng cộng	37	1454



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
B.CARD: CAM-3	TO: TD2	CREW: HHAI - CHIEN	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM26/3225		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TO HIEN THANH	TD2	49	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2	53-54	2	9			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU ĐỨC NGUU	TD2	98-99	2	8			67	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYEN HUNG BINH	TD2	50-51	2	19	4	45	55	DMC	Vietnamese
5	DO VAN BACH	TD2	94	1	12	1	40	62	DMC	Vietnamese
6	PHẠM QUANG TRUNG	TD2	48	1	13			79	D-HANH	Vietnamese
7	PHAM VAN THI	TD2	52	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VIỆT TÙNG	TD2						73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGÔ HOÀN	TD2	96-97	2	9			62	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ BÁ LINH	TD2	47	1	5			68	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN	TD2	46	1	3			69	PSV	Vietnamese
12	TRẦN TỬ LONG	TD2	95	1	4			68	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN QUÂN (1977)	TD2	3000	1	4			70	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐẮC TÙNG	TD2	93	1	3			58	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TIỀN CHUÔNG	TD2	92	1	3			63	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TIỀN	TD2	57	1	4			99	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	16	1.082	19	106	5	85	18		
TOTAL		16	1.082	19	106	5	85	18		
WEIGHT KG			1.082		106		85			

GRAND TOAL: 1.273 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

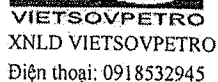
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ HOÀNG HAI

ĐỖ VĂN CHIẾN





Đường bay: TD2

Ngày: 21-07-2026	Nơi xuất phát: TAM DAO-02	Số hiệu máy bay: 620	Giờ cất cánh: 11:30
Chuyến bay: 3	Nơi đến: VÙNG TÀU	Tổ bay: TD2	Giờ hạ cánh:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Danh Số	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Phitsanuphong	Centrifuge	DMC-MI	Thái Lan		1	16	65
2	Lê Văn Giáp	Bánh	Petrosetco	Việt Nam		1	11	62
3	Nguyễn Huy Long	P. vụ	Petrosetco	Việt Nam		1	8	55
4	Trần Khắc Mạnh	P. vụ	Petrosetco	Việt Nam		2	8	69
5	Karimov Tagir G	địa chất	VSP-DH	Nga		1	15	89
6	Cao Trọng tiên	Dung dịch	DMC-MI	Việt Nam		2	20	58
7	Lưu Thế Anh	Giản trưởng	VSP-KhaiThac	Việt Nam	20382	1	5	70
8	Nguyễn Tiến Thành	CV An toàn	VSP-KhaiThac	Việt Nam	17309	1	5	64
9	Lê Đăng Minh Đức	An toàn cấp 4	VSP-KhaiThac	Việt Nam		0	0	73
10	Cao Tùng Lâm	An toàn cấp 4	VSP-	Việt Nam		0	0	70
11	Aubakirov Artur	An toàn cấp 4	VSP-DH	Việt Nam		0	0	75
12	Trần Vĩnh Phương	An toàn cấp 4	VSP-DH	Việt Nam		0	0	70
13	Quách Văn Thao	Bác sĩ	VSP- Y tế	Việt Nam	21102	1	7	75
14	Hoàng Giang Lam	Độc công ĐS	Petrosetco	Việt Nam	PSV	0	0	79
15	Lê Nho Càng	Bếp trưởng	Petrosetco	Việt Nam	PSV	1	8	70
16	Phan Văn Hồng	Tạp vụ	Petrosetco	Việt Nam	PSV	1	8	70
17	Nguyễn Thu Trang	Phụ bếp	Petrosetco	Việt Nam	PSV	1	11	74
	Số HK đi:				Trọng lượng:	14	122	1188

Sít	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				

Người lập:

Đại diện giản:

Phi công trường:

Nguyễn Viết Tùng

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	17	1188
Hành lý	14	122
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	31	1310



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TÍM-3	TO: AMD - PPD	CREW: NAM - NPHÚ - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/3238	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NGOC TAN	AMD	42	1	7			74	TLJOC	Vietnamese
2	TRUONG XUAN CHI	AMD	35	1	6			68	TLJOC	Vietnamese
3	TRẦN HIẾU THẢO	AMD	48-49	2	17			59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG LONG	AMD	24	1	5	3	56	66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRỊNH VĂN PHA	AMD	33	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THỦY	AMD	38-39	2	15			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	30	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	36	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	40-41	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
10	THÁI BÁ HÙNG	AMD	500	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	27-28	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH THÁI	AMD	25-26	2	9	2	19	74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THỦY	AMD	37	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	29	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
15	HUỲNH PHÚC ÂM	AMD	31-32	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VĨNH	AMD	34	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	39	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIÊN	PPD	43-44	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ SỸ KHOA	PPD				1	18	79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HIỀN	PPD	42	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC CỪ	PPD	41	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ANH TUẤN	PPD	40	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.082	22	142	5	75	7		
2	PPD	6	394	6	31	1	18	14		
TOTAL		22	1.476	28	173	6	93	21		
WEIGHT KG			1.476		173		93			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:35
B.CARD: TRANG-3	TO: TGTH1 - AMD	CREW: ATUẤN - TRÌNH	ETA: 13:25
VSP FLIGHT: 11	VNHS FLIGHT: TM26/3246		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	77	1	11			68	HLJOC	Vietnamese
2	NGO SY DUC	TGTH1	72-73	2	14			102	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NHÃ	TGTH1	76	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
4	BÙI VĂN HƯỜNG	TGTH1	75	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẬU SỸ ĐIỆP	TGTH1	69	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG TRÍ	TGTH1	70-71	2	12			83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CÂN	TGTH1	74	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO THANH VŨ	AMD	600	1	7			60	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	84	1	5			57	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN TUẤN ANH	AMD	284	1	10			64	PHATECO	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG NGHĨA	AMD	85-86	2	19			64	PHATECO	Vietnamese
12	PHẠM VĂN PHƯƠNG	AMD	93	1	15			70	PHATECO	Vietnamese
13	LÊ VIỆT QUỐC HUY	AMD	91-92	2	15	2	15	71	PHATECO	Vietnamese
14	HỒ THẾ BÌNH	AMD	94-95	2	13			61	PHATECO	Vietnamese
15	LÊ ANH HOÀNG	AMD	89-90	2	13			84	PHATECO	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THƯỢNG	AMD	87-88	2	9			68	PHATECO	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC ANH	AMD	285-286	2	10			65	PHATECO	Vietnamese
18	PHẠM TIẾN ĐẠT	AMD	96-97	2	12			66	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	7	522	9	61	0	0	7		
2	AMD	11	730	18	128	2	15	9		
TOTAL		18	1.252	27	189	2	15	16		
WEIGHT KG			1.252		189		15			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRẦN KHÁNH TRÌNH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: Hông - 3	TO: TD1 - P8	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 12	VNHS FLIGHT: TM26/3241		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN TÀI	TD1	86,99	2	7			66	KHOAN	Vietnamese
2	FIRSOV EVGENI	TD1	31	1	9			103	KHOAN	Russian
3	BAZHNIKOV TIMUR	TD1	87-88	2	9			98	NIPI	Russian
4	LÊ VĂN NGỌC	TD1						76	PSV	Vietnamese
5	VŨ HOÀNG QUÂN	TD1	85	1	5			55	PSV	Vietnamese
6	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	36	1	3			66	PSV	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÌNH	TD1	34	1	5			59	PSV	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	TD1	97-98	2	10			67	PSV	Vietnamese
9	VU DUC DUNG	TD1	84	1	14			85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TỊNH	P8	43	1	7			65	DK9	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH NAM	P8	42	1	6			54	DKVN	Vietnamese
12	BÙI NGỌC LÂM	P8	06	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HÙNG	P8	45	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P8	09	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN PHAN ĐIẾP	P8	07	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN TUẤN LONG	P8	44	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TIẾN DŨNG	P8	08	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HÒA	P8	05	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC THUẬN	P8	63-64	2	15			81	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG THẮNG	P8	66	1	6			63	KH-YHAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P8	65	1	9	1	8	56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	9	675	11	62	0	0	2		
2	P8	12	816	13	73	1	8	12		
TOTAL		21	1.491	24	135	1	8	14		
WEIGHT KG			1.491		135		8			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO: TD3 - P7	CREW: QVIỆT - N.ANH - DTÙNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM26/3244	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG ĐÌNH VƯƠNG	TD3	84	1	17			71	ALPHA	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HẬU	TD3	80-82	3	17			72	ALPHA	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH ÂN	TD3	88-89	2	15			62	ABS	Vietnamese
4	PHẠM TUẤN VIỆT	TD3	87	1	8			87	VR9	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THÀNH	TD3	69	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	72	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	90-91	2	22			84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	54	1	7	1	22	70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD3	92	1	11			91	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN HIẾU	TD3	76	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ THẾ CÔNG	TD3	77	1	12			77	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG THANH TÚ	TD3	53	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRUNG SƠN	TD3						77	D-HANH	Vietnamese
14	VŨ VĂN TÌNH	TD3	73	1	10			74	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG PHƯỢNG	TD3	70	1	16			66	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TD3	74-75	2	16			81	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ QUÝ TRƯỜNG	TD3	83	1	10			67	CODIEN	Vietnamese
18	HOÀNG CAO MINH	TD3	78-79	2	11			70	CODIEN	Vietnamese
19	MAI THÀNH ĐẠT	TD3	71	1	11			83	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD3	68	1	14			70	ANTOAN	Vietnamese
21	LUONG NGOC KHUONG	TD3	85-86	2	16			81	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN SINH	TD3	66-67	2	13			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.632	29	256	1	22	13		
2	P7	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.632	29	256	1	22	20		
WEIGHT KG			1.632		256		22			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH

